



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15**  
**CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.15**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2011

---

*Hải Phòng, tháng 4 năm 2012*

---

**Địa chỉ:** Số 53 đường Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

**Điện thoại:** (84-31) 3768612 - 3768611

**Fax:** (84-31) 3768610

**Email:** [vinaconex15@hn.vnn.vn](mailto:vinaconex15@hn.vnn.vn)

**Website:** [www.vinaconex15.com.vn](http://www.vinaconex15.com.vn)

## **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Những sự kiện quan trọng**

#### **a. Thành lập :**

Công ty cổ phần xây dựng số 15 - VINACONEX 15 tiền thân là Công ty xây dựng số 10 thuộc Sở Xây dựng Hải Phòng. Đến năm 1999, Công ty xây dựng số 10 được Tổng công ty VINACONEX nay là Tổng công ty CP VINACONEX kết nạp là doanh nghiệp thành viên theo Quyết định số 548/QĐ-BXD ngày 12/5/1999 của Bộ Xây dựng.

#### **b. Cổ phần hóa :**

Theo chủ trương đổi mới các doanh nghiệp Nhà nước, ngày 04/10/2004 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra Quyết định số 1554/QĐ-BXD về việc chuyển Công ty xây dựng số 15 thuộc Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thành Công ty cổ phần xây dựng số 15 (VINACONEX 15).

#### **c. Niêm yết :**

Ngày 14/12/2009, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận số 82/GCN-SGDHN về việc chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng số 15. Khối lượng chứng khoán niêm yết : 6.000.000 cổ phiếu, mệnh giá : 10.000 đồng/1cổ phiếu, giá trị chứng khoán niêm yết : 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), mã chứng khoán : V15. Ngày 24/3/2011 niêm yết bổ sung 4.000.000 cổ phiếu nâng khối lượng chứng khoán niêm yết lên 10.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 100.000.000 đồng (100 tỷ đồng).

#### **d. Quá trình tăng vốn điều lệ:**

- + Vốn điều lệ năm 2004 sau khi cổ phần hóa: 6.000.000.000 đồng
- + Năm 2005 : Tăng vốn điều lệ lên 10.500.000.000 đồng
- + Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng.
- + Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- + Năm 2010 : Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

### **2. Quá trình phát triển**

#### **a. Nghành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích: Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, buru điện, năng lượng, công trình đường dây, trạm biến thế điện
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất cốp pha, giàn giáo từ các loại vật liệu
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Phá dỡ
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Hoàn thiện công trình xây dựng : Trang trí nội thất
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác : Thi công nền móng công trình
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hoá
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao công nghệ xây dựng, thiết bị tự động hoá, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà và các tổ hợp nhà cao tầng
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

**b. Tình hình hoạt động :**

Là một doanh nghiệp với hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần xây dựng số 15 đã thi công nhiều công trình trong tất cả các chuyên ngành xây dựng dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hạ tầng kỹ thuật đô thị... Với đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật lành nghề, chuyên nghiệp, thiết bị thi công hiện đại và đồng bộ, Công ty đã và đang tham gia thi công các công trình và hạng mục công trình trên khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam với chất lượng kỹ, mỹ thuật cao nhất, đáp ứng tiến độ thi công và mang lại hiệu quả kinh tế cho đất nước.

Với thế mạnh của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là công trình cao tầng, hiện Công ty đang thi công các công trình : Trung tâm bồi dưỡng nghiệp

vụ báo chí - Trung tâm thông tin tư liệu - Hội Nhà báo Việt Nam 11 tầng; Dự án khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng - Hà Nội 25 tầng; Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp BMC - Thành phố Vinh 18 tầng; Trung tâm thương mại và văn phòng điều hành dự án khu đô thị mới Ngã Năm, sân bay Cát Bi - Hải Phòng 18 tầng; Trạm khách Quân khu III - Hải Phòng 9 tầng; Nhà đa năng 12 tầng, Khu ký túc xá K9 - 9 tầng - trường Đại học Nha Trang - thành phố Nha Trang; ... và một số công trình vừa và nhỏ khác.

Trong giai đoạn hiện nay, đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm, là cơ hội để phát triển Công ty cả về chất và lượng, tạo điều kiện để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy và chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Công ty đã, đang và sẽ triển khai các dự án như : Công ty đang tiến hành thực hiện dự án Khu biệt thự nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng với tổng diện tích là 21.427m<sup>2</sup> với quy mô bao gồm 90 biệt thự với diện tích sàn từ 180m<sup>2</sup> đến 298m<sup>2</sup> và các nhà nghỉ liền kề có diện tích gần 100m<sup>2</sup> được thiết kế 3 tầng khép kín với trang thiết bị tiện dụng, hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng cao; triển khai các thủ tục về mặt pháp lý của dự án nhà dành cho người có thu nhập thấp tại Hải Phòng...

### **3. Định hướng phát triển**

#### **a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Tiếp tục nâng cao vị thế của công ty trên thương trường, nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt.
- Định hướng thành lập phát triển các công ty con.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo cân đối tài chính
- Khai thác những công trình, đầu tư những dự án có giá trị lớn tạo nguồn công việc lâu dài, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định cho công ty
- Tiếp tục mở rộng thị trường tại các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Nẵng, Quảng Ninh và các thành phố khác
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV nhằm khuyến khích sự nỗ lực, nâng cao năng suất lao động gắn bó lâu dài với công ty.
- Tối đa hoá lợi nhuận nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và quyền lợi của CBCNV trong công ty.
- Đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động

#### **b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xác định lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của công ty, đồng thời kết hợp các lĩnh vực kinh doanh khác khi có cơ hội thuận lợi.
- Xây dựng công ty phát triển ổn định bền vững theo mô hình công ty mẹ, công ty con. Nâng cao năng lực cạnh tranh về mọi mặt.

- Xây dựng nền tài chính vững mạnh, Tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo cân đối tài chính.

- Không ngừng nâng cao năng lực quản trị, quản lý điều hành doanh nghiệp.

- Thường xuyên quan tâm đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên.

- Đầu tư thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng được tốc độ phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Những nét nổi bật trong năm 2011**

Trong năm 2011, Công ty đã rất nỗ lực trong việc điều hành các hoạt động, tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đã đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế. Tuy nhiên do thị trường chịu ảnh hưởng nặng nề của lạm phát, giá cả vật tư biến động đã làm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty suy giảm theo sự suy giảm chung của nền kinh tế, cụ thể như sau :

|                              |                   |
|------------------------------|-------------------|
| + Tổng tài sản :             | 355.410.054.838 đ |
| + Tổng doanh thu đạt :       | 201.510.563.930 đ |
| + Lợi nhuận trước thuế đạt : | 11.122.594.606 đ  |
| + Lợi nhuận sau thuế đạt :   | 8.382.320.954 đ   |
| + Cổ tức năm 2011 :          | 5%/năm            |

### **2. Tình hình thực hiện năm 2011 so với kế hoạch**

- Tổng doanh thu thực hiện đạt 201.510.563.930 đồng bằng 73,01% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 11.122.594.606 đồng bằng 52,79% so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 8.382.320.954 đồng bằng 53,04% so với kế hoạch

### **3. Triển vọng và Kế hoạch năm 2012**

Bước vào năm 2012, do các chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ trong năm 2011, tình hình lạm phát đã được kìm chế, song mức độ thuyên giảm rất chậm, lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao. Do vậy chính phủ vẫn tiếp tục chính sách kìm chế lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội, cùng các biện pháp triển khai kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm chi phí sản xuất, quản lý, không triển khai các dự án đầu tư công mới, khống chế hạn mức tăng trưởng tín dụng hợp lý, đồng nghĩa với các ngành kinh tế đều phải đối mặt với các khó khăn thách thức cho việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình, đặc biệt do tính chất riêng của ngành xây dựng nên là ngành bị ảnh hưởng sớm nhất và khó khăn nhất. Đánh giá được những khó khăn đó Ban lãnh đạo công ty với phương châm bảo toàn vốn, duy trì sự phát triển ổn định của doanh nghiệp để đặt ra kế hoạch sản xuất kinh năm 2012 hợp lý, có tính khả thi và đảm bảo yếu tố lợi

nhuận. Căn cứ vào những điều kiện thuận lợi, khó khăn hiện tại của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh 2012 với các định hướng như sau :

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Tận dụng mọi cơ hội để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ chốt của Công ty.

- Rà soát lại toàn bộ các dự án của Công ty, cắt giảm hoặc giãn tiến độ các dự án đầu tư chưa cấp bách, tập trung nguồn lực của Công ty để thúc đẩy các dự án dự kiến mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án.

- Triển khai quyết liệt công tác thu hồi công nợ để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động của Công ty.

- Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ nhằm đưa ra các kế hoạch sử dụng vốn nhằm đảm bảo chi phí sử dụng vốn thấp nhất, hiệu quả, an toàn.

- Đánh giá kỹ các dự án đầu tư khi triển khai nhằm phát huy tốt nhất đồng vốn. Tập trung vào các thủ tục đầu tư xây dựng một khu nhà ở dành cho người có thu nhập thấp trên địa bàn thành phố và các dự án bất động sản khác. Tiếp tục đầu tư một loạt các máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực xây dựng và thi công hạ tầng cơ sở.

- Tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty trên khắp ba miền Bắc, Trung Nam.

Hội đồng quản trị cũng đã thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2012, các nội dung chính trong kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Tổng doanh thu : 248 tỷ đồng

- + Lợi nhuận trước thuế : 10 tỷ đồng

- + Tỷ suất cổ tức : 5%/năm

- + Vốn đầu tư : 40 tỷ đồng

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính**

##### **a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Chỉ tiêu                         | ĐVT | Năm 2010 | Năm 2011 |
|----------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Cơ cấu tài sản</b>         |     |          |          |
| - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | %   | 92,74    | 94,08    |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản  | %   | 7,26     | 5,92     |
| <b>2. Cơ cấu vốn</b>             |     |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn     | %   | 62,02    | 63,61    |

| Chỉ tiêu                                          | ĐVT | Năm 2010 | Năm 2011 |
|---------------------------------------------------|-----|----------|----------|
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn                   | %   | 37,98    | 36,39    |
| <b>3. Khả năng thanh toán</b>                     |     |          |          |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn                       | Lần | 1,54     | 1,50     |
| - Hệ số thanh toán nhanh                          | Lần | 1,29     | 1,17     |
| <b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>                       |     |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản         | %   | 6,14     | 2,36     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần      | %   | 14,62    | 4,16     |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | %   | 16,18    | 6,48     |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010, năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty)

Nhìn vào các chỉ tiêu tài chính cho thấy: Trong cơ cấu vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng lên nên hoạt động của công ty vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay và các nguồn lực bên ngoài công ty. Về khả năng thanh toán: Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn. Về khả năng sinh lời: Do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, lợi nhuận giảm dẫn tới các chỉ số tỷ suất sinh lời của Công ty đều giảm.

#### **b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp**

Năm 2011 tổng vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam đại diện quản lý phần vốn góp vào Công ty là: 51.000.000.000 đồng - chiếm 51% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phiếu tính đến 31/12/2011 là: 10.000.000 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đ/cp)

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **10.000.000** cổ phiếu phổ thông

Cổ tức năm 2011: 5%/cổ phần (một cổ phần được nhận 500 đồng)

#### **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm 2010-2011 được thể hiện trong các bảng số liệu dưới đây.

| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2010 | Kế hoạch năm 2011 | Thực hiện năm 2011 | Thực hiện 2011/Thực hiện 2010 (%) | Thực hiện 2011/Kế hoạch 2011 (%) |
|----------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Giá trị sản lượng    | Tr.đồng     | 265.000            | 368.000           | 271.247            | 102,36                            | 73,71                            |
| Tổng doanh thu       | Tr.đồng     | 188.966            | 276.000           | 201.511            | 106,64                            | 73,01                            |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng     | 27.635             | 21.070            | 11.123             | 40,25                             | 52,79                            |

| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2010 | Kế hoạch năm 2011 | Thực hiện năm 2011 | Thực hiện 2011/Thực hiện 2010 (%) | Thực hiện 2011/Kế hoạch 2011 (%) |
|----------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế   | Tr.đồng     | 20.820             | 15.802            | 8.382              | 40,26                             | 53,04                            |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | %           | 17                 | 15                | 5                  | 29,41                             | 33,33                            |

### **3. Những tiến bộ đạt được trong năm :**

#### **a. Về hoạt động xây lắp**

##### **\* Công tác đấu thầu:**

Do chính sách tài khoá thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, nguồn cung về vốn giảm, lãi suất tín dụng cao nên các dự án đầu tư, các công trình xây dựng đều phải giãn tiến độ hoặc tạm dừng đầu tư. Trong tình hình đó Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo chỉ tham gia đấu thầu và nhận thầu những công trình có nguồn vốn xác định, chủ đầu tư có năng lực tài chính, điều kiện tạm ứng thanh toán tốt. Với phương châm trên, năm 2011 Công ty đã chọn lọc đấu thầu và trúng thầu một số công trình có qui mô và giá trị xây dựng lớn, với tổng giá trị các hợp đồng xây lắp đã ký kết là : 221,24 tỷ đồng. Bao gồm:

- Gói thầu số 06 : thi công khung bê tông cốt thép, xây trát hoàn thiện công trình Bệnh viện phụ sản Quốc tế Hải Phòng 9 tầng, 21.000 m<sup>2</sup> sàn xây dựng với tổng giá trị gói thầu : 68,402 tỷ đồng.

- Block A, B chung cư CT7 27 tầng, 38.286 m<sup>2</sup> sàn Khu đô thị mới Dương Nội - Quận Hà Đông - thành phố Hà Nội với tổng giá trị gói thầu : 97,836 tỷ đồng

- Công trình Nhà ký túc xá K9 9tầng, 11.000 m<sup>2</sup> sàn - Trường Đại học Nha Trang, với tổng giá trị: 55 tỷ đồng.

Ngoài ra Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc các công trình dự án sau : Dự án Đắc sor 2 với giá trị khoảng 145 tỷ đồng; Thi công công trình Nhà máy thủy điện Lông Tào - tỉnh Điện Biên, với giá trị khoảng 250 tỷ đồng. Công ty đã sơ bộ thống nhất tiến tới ký hợp đồng công trình Văn phòng chi nhánh Hải Phòng - Công ty điện thoại di động, công trình nhà ga T2 Nội Bài và công trình Bắc An Khánh để đảm bảo đủ công việc cho Công ty năm 2012 và một phần gói đầu cho năm 2013.

##### **\* Công tác thi công xây lắp:**

Năm 2011 trong điều kiện khó khăn, lạm phát chung của nền kinh tế trong nước, cũng như ngành xây dựng, nguồn vốn cung ứng cho các dự án đầu tư của các chủ đầu tư đều bị chậm nhiều so với kế hoạch ban đầu. Căn cứ từng điều kiện công trình cụ thể, Công ty đã chủ động làm việc với chủ đầu tư để điều chỉnh đơn giá hợp đồng, điều chỉnh tiến độ thi công theo dòng tiền thực tế để đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất cho từng dự án.

Tiếp tục phát huy thế mạnh xây dựng trên lĩnh vực các công trình dân dụng và công nghiệp, Công ty đã đầu tư thêm máy móc, thiết bị thi công, ứng dụng những kỹ thuật, công nghệ mới vào thi công và quản lý để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thi công.



Công ty đã tổ chức thi công và quản lý thi công các công trình một cách khoa học trên cơ sở quản lý từng công trình, hạng mục công trình thực hiện xuyên suốt đồng bộ với các ban chỉ huy công trình bên cạnh việc đẩy mạnh áp dụng thực hiện công tác thi công áp dụng nhiều công nghệ thi công nhà cao tầng hiện đại.

Trong năm Công ty đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng một số công trình có qui mô lớn đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và hiệu quả như Trung tâm thương mại 22 tầng khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi Hải Phòng, chung cư 25 tầng 25T1-N05 khu đô thị Đông nam Trần Duy Hưng - Hà Nội, Nhà in báo nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm thương mại BMC - Vinh, Trạm khách Quân Khu 3 - Hải Phòng.

Công tác thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán được đặc biệt chú trọng, tất cả các công trình đều bố trí bộ phận làm hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán công trình chuyên trách nhằm đảm bảo thu hồi vốn nhanh, đảm bảo cân đối tài chính của công trình.

### ***b. Về công tác đầu tư - kinh doanh bất động sản***

#### ***\* Đầu tư kinh doanh bất động sản:***

- Kinh doanh bất động sản là lĩnh vực nhạy cảm, mang lại lợi nhuận lớn nhưng độ rủi ro cao, phụ thuộc vào sức khỏe của nền kinh tế trong từng giai đoạn. Trong năm 2011 và khả năng đến hết năm 2012 thị trường bất động sản trầm lắng, nên Công ty chủ trương giãn tiến độ đầu tư các dự án đang thực hiện, tập trung làm thủ tục pháp lý cho các dự án mới, đợi thời cơ thuận lợi triển khai đầu tư nhanh để đạt hiệu quả đầu tư cao. Và vẫn xác định từng bước nâng cao tỷ trọng ngang bằng tỷ trọng xây lắp trong chiến lược kinh doanh của công ty.

- Dự án đầu tư Khu Nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng Công ty đã triển khai xây dựng xong toàn bộ các hạng mục cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Nhưng do tình hình kinh doanh bất động sản trong năm không thuận lợi như trên đã nói, nên Công ty dự kiến triển khai một cách thận trọng căn cứ vào tình hình bất động sản của thành phố Hải Phòng.

- Công ty đang triển khai chuẩn bị thủ tục cho một số dự án mới có qui mô lớn tại Hải Phòng và một số địa phương khác, chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm (2012-2016), gia tăng giá trị doanh thu và lợi nhuận trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

#### ***\* Đầu tư khác:***

- Trong lĩnh vực máy móc thiết bị, Công ty đã đầu tư 02 cầu tháp Zoonlion CT1013 đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm kế hoạch với giá trị đầu tư là 5,7 tỷ đồng.

- Đầu tư 02 sân tennis tại khu vực trụ sở văn phòng, giá trị đầu tư 1,6 tỷ đồng phục vụ hoạt động thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho cán CBCNV công ty và kết hợp để kinh doanh.

### ***c. Quản lý, tài sản cố định, xe máy, thiết bị:***

- Trong năm công ty đã khai thác hiệu quả các tài sản cố định, xe máy thiết bị đã được đầu tư, phát huy hiệu quả đồng vốn và làm tăng lợi nhuận. Phục vụ kịp thời nhu cầu sản xuất của công ty và dịch vụ cho thuê đạt doanh thu 10,57 tỷ đồng

- Thành lập đội thợ chuyên thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa xe máy thiết bị đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, đảm bảo công suất cao máy.

- Đầu tư kho bãi để tập kết, bảo quản nâng cao độ an toàn, kéo dài tuổi thọ của xe máy thiết bị.

#### ***d. Về công tác tài chính***

- Năm 2011 là năm khó khăn nhất từ trước đến nay về nguồn vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Do chính sách tài khoá thắt chặt, tín dụng thắt chặt của chính phủ, nên các doanh nghiệp xây dựng đều trong tình trạng thiếu vốn trầm trọng, ngân hàng cho vay lãi suất cao, nguồn cung ít, điều kiện cho vay ngặt nghèo, mặt khác do ảnh hưởng của việc thắt chặt đầu tư công nên các chủ đầu tư bị nhỡ vốn, chậm thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình làm ảnh hưởng đến vòng quay vốn và hiệu quả kinh tế. Trong điều kiện khó khăn Công ty đã linh hoạt điều tiết dòng tiền, làm việc với ngân hàng để giải quyết nhu cầu vốn bức thiết, giám sát sát sao và thực hiện nhiều giải pháp thu hồi công nợ, đảm bảo tối đa nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản trị tài chính nội bộ của Công ty được tăng cường kiểm soát, phòng ngừa rủi ro, điều chỉnh bổ sung quy chế quản lý tài chính nội bộ trong điều hành hoạt động SXKD, công tác hạch toán kế toán tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

- Công ty đã thực hiện phát hành thành công đợt chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và niêm yết bổ sung trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 24/3/2011. Thành công này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và thị trường tài chính, thị trường chứng khoán không sôi động đã giúp cho Công ty chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD.

- Tổng số vốn của Công ty đầu tư góp vốn vào các công ty khác tính đến ngày 31/12/2011 là 6,1 tỷ đồng, trong đó :

+ Công ty cổ phần Ống sợi thủy tinh VINACONEX : 1 tỷ đồng

+ Công ty cổ phần VIPACO : 5,1 tỷ đồng

- Tuy nhiên, năm 2011 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý dòng tiền, bên cạnh đó Công ty đang bị chiếm dụng vốn lớn từ khác khoản công nợ phải thu, có những khoản phát sinh từ lâu.

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng thuê Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011.

- Công ty đã nâng cấp, áp dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp với hệ thống sổ sách chính xác, khoa học, nâng cao hiệu quả công việc, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

#### ***e. Công tác tổ chức, tuyển dụng, đào tạo***

- Năm 2011 là một năm khó khăn đối với Công ty trong công tác nhân sự, tuy nhiên sau đó với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo Công ty nhân sự cũng đi vào ổn định. Trong năm công ty tiếp tục công tác kiện toàn bộ máy tổ chức, bổ nhiệm một số lãnh đạo công ty, bổ sung nhân lực cho Chi nhánh của công ty tại Hà Nội và Nha Trang. Tuyển dụng và đào tạo nâng cao cho các cán bộ, kỹ sư đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển, mở rộng sản xuất của công ty.

- Đã triển khai tốt công tác sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với công việc của từng người nên đã phát huy được tính chủ động trong công việc, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ SXKD. Công tác tuyển dụng và đào tạo đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, chú trọng việc bồi dưỡng đào tạo đối với đội ngũ cán bộ trẻ.

Năm 2011 Công ty đã :

- Bổ nhiệm 01 Giám đốc Công ty, 01 kế toán trưởng, 01 giám đốc chi nhánh.

- Cử cán bộ, kỹ sư đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, trình độ chuyên môn, các lớp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

***g. Công tác chăm lo đời sống của người lao động, phong trào đoàn thể, công tác xã hội, từ thiện***

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

- Các tổ chức đoàn thể đều phát huy tốt vai trò của mình, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đặc biệt những công trình trọng điểm, vùng sâu, vùng xa giúp người lao động ổn định tư tưởng, gắn bó với công việc của đơn vị, thu nhập bình quân của người lao động tăng 7,14% so với năm trước.

Kế thừa những truyền thống tốt đẹp tương thân, tương ái từ nhiều năm nay của nhiều thế hệ CBCNV Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, ủng hộ Làng trẻ mồ côi Hoa Phượng Hải Phòng, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi và suy dinh dưỡng Hà Nội, quỹ trẻ em nghèo, nạn nhân chất độc da cam, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng tại Kien Thụy - Hải Phòng.

**4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012**

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2011 và phân tích tình hình kinh tế năm 2012, Ban Giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch cho năm 2012, theo đó dự kiến năm 2012 Công ty sẽ thực hiện các chỉ tiêu theo số liệu cụ thể trong bảng sau đây :

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Thực hiện năm 2011 | Kế hoạch năm 2012 |
|-----|----------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Giá trị sản lượng    | 271.247            | 310.000           |
| 2   | Tổng doanh thu       | 201.511            | 248.000           |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 11.123             | 10.000            |

Giải pháp thực hiện :

1. Với các hợp đồng nhận thầu thi công xây lắp, mục tiêu an toàn thanh toán được ưu tiên hàng đầu, do vậy Công ty tăng cường công tác xem xét tìm hiểu kỹ các công trình dự định đấu thầu hoặc nhận thầu về nguồn vốn, về năng lực tài chính của chủ đầu tư trước khi quyết định đấu thầu hoặc ký hợp đồng.

2. Với các hợp đồng đang thi công, công ty chỉ đạo các bộ phận chức năng nâng cao hiệu quả kiểm soát, không để rủi ro xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị thi công cải tiến kỹ thuật, biện pháp thi công để tăng năng suất lao động, giảm hao hụt, tổn thất vật tư, thiết bị giảm chi phí giá thành nâng cao lợi nhuận của công trình. Công tác thanh quyết toán được triển khai song song đồng thời trong quá trình thi công.

3. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Do thị trường bất động sản còn đóng băng, chưa có dấu hiệu khởi sắc nên Dự án khu nhà nghỉ cuối tuần Vụng Hương Đồ Sơn Công ty chủ trương chỉ đầu tư một số căn hộ điểm để thuận lợi cho việc bán sản phẩm. Tiến độ hoàn thành dự án đã xin phép thành phố điều chỉnh đến năm 2015.

Tích cực tìm kiếm cơ hội phát triển thêm các dự án mới, nhằm ổn định và tăng doanh thu lợi nhuận lâu dài cho Công ty.

4. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công đáp ứng yêu cầu sản xuất thực tế và từng bước nâng cao đảm bảo năng lực cạnh tranh với thị trường. Khai thác sử dụng hết công suất của máy móc, thiết bị đạt hiệu quả cao nhất.

5. Kien toàn, củng cố bộ máy quản lý từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc theo hướng phân nhiệm rõ ràng. Tiếp tục sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh cơ chế quản trị doanh nghiệp để nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân từ công ty đến các đơn vị.

6. Công tác tài chính: Chú trọng công tác thu hồi vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo cân bằng tài chính, khai thác các nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng phục vụ kịp thời sản xuất.

7. Duy trì công tác kiểm tra, giám sát tình hình thi công tại các công trình. Thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu nội bộ và chế độ báo cáo định kỳ nhằm kiểm soát và chỉ đạo kịp thời các phát sinh trong quá trình thi công. Cải tiến, ứng dụng công nghệ trong thi công một cách khoa học nhằm rút ngắn tiến độ thi công, nâng cao chất lượng công trình. Nâng cao ý thức An toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong lao động sản xuất.

8. Phát huy nguồn nhân lực hiện có, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc. Tuyển dụng, sàng lọc, đào tạo nâng cao nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của Công ty. Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, người lao động, tạo dựng môi trường làm việc tốt nhằm kích thích và phát huy hết năng lực của mọi thành viên Công ty, tạo sự gắn bó giữa các thành viên để hoạt động có hiệu quả cao.

9. Phát động phong trào thi đua, triển khai các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, chi phí sản xuất kinh doanh để nâng cao lợi nhuận, nâng cao đời sống người lao động như chủ trương của Bộ tài chính đã đề ra. Biện pháp cụ thể là:

- Kien toàn, sắp xếp bộ máy hợp lý, nâng cao hiệu quả làm việc của CBCNV.
- Thực hiện các biện pháp chống lãng phí trong sử dụng điện nước, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng, xe công vụ.
- Tổ chức thi công hợp lý, giảm tối đa thất thoát, hao hụt vật tư, vật liệu. Rút ngắn tiến độ thi công, nâng cao hiệu suất sử dụng xe máy, thiết bị, giàn giáo, cốp pha.
- Tăng cường giám sát, hạn chế tối thiểu các chi phí phát sinh về đảm bảo chất lượng, về an toàn lao động.
- Rà soát, hiệu chỉnh kịp thời hợp lý các định mức kinh tế kỹ thuật trong xây dựng theo phương châm chính xác, tiết kiệm.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty CP XD số 15 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>               | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 2                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN                    | 3                   |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7 - 8               |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 9 - 27              |

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |          |
|-----------------------|----------|
| Ông Trương Hải Triều  | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đình Thiết | Ủy viên  |
| Ông Nguyễn Xuân Thao  | Ủy viên  |
| Ông Lại Văn Bích      | Ủy viên  |
| Ông Huỳnh Ngọc Sơn    | Ủy viên  |

#### **Ban Giám đốc**

|                      |                                                   |
|----------------------|---------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Thao | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2011)     |
| Ông Trương Hải Triều | Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2011) |
| Ông Nguyễn Hữu Dũng  | Phó Giám đốc                                      |
| Ông Đoàn Thanh Bình  | Phó Giám đốc                                      |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Xuân Thao**  
**Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2012*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 27. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**Nguyễn Quang Trung**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                                    | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2011             | 31/12/2010             |
|------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                            |            |             |                        |                        |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br><b>(100=110+130+140+150)</b> | <b>100</b> |             | <b>334.360.653.785</b> | <b>314.227.950.235</b> |
| <b>I. Tiền</b>                                             | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>179.295.482</b>     | <b>35.756.318.101</b>  |
| 1. Tiền                                                    | 111        |             | 179.295.482            | 35.756.318.101         |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                     | <b>130</b> |             | <b>177.671.769.748</b> | <b>141.757.808.728</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                                     | 131        |             | 171.032.687.357        | 138.986.854.452        |
| 2. Trả trước cho người bán                                 | 132        |             | 2.977.342.442          | 2.892.176.130          |
| 3. Các khoản phải thu khác                                 | 135        |             | 5.608.342.372          | 461.673.389            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                      | 139        |             | (1.946.602.423)        | (582.895.243)          |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                                   | <b>140</b> | <b>6</b>    | <b>73.835.242.894</b>  | <b>49.711.589.736</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                            | 141        |             | 73.835.242.894         | 49.711.589.736         |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>                           | <b>150</b> |             | <b>82.674.345.661</b>  | <b>87.002.233.670</b>  |
| 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                     | 152        |             | -                      | 8.457.089.662          |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác                                   | 158        |             | 82.674.345.661         | 78.545.144.008         |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br><b>(200=220+250+260)</b>      | <b>200</b> |             | <b>21.049.401.053</b>  | <b>24.601.251.990</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                                  | <b>220</b> |             | <b>15.094.475.101</b>  | <b>17.345.732.155</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                | 221        | <b>7</b>    | 15.094.475.101         | 17.345.732.155         |
| - Nguyên giá                                               | 222        |             | 48.271.631.226         | 46.540.578.709         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 223        |             | (33.177.156.125)       | (29.194.846.554)       |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                         | 230        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>5.250.000.000</b>   | <b>5.250.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết                             | 252        | <b>8</b>    | 4.250.000.000          | 4.250.000.000          |
| 2. Đầu tư dài hạn khác                                     | 258        | <b>9</b>    | 1.000.000.000          | 1.000.000.000          |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                           | <b>260</b> |             | <b>704.925.952</b>     | <b>2.005.519.835</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                               | 261        | <b>10</b>   | 704.925.952            | 2.005.519.835          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>                     | <b>270</b> |             | <b>355.410.054.838</b> | <b>338.829.202.225</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2011             | 31/12/2010             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                               |            |             |                        |                        |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>226.082.882.306</b> | <b>210.143.138.429</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>223.293.940.874</b> | <b>204.339.043.379</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 11          | 95.334.004.134         | 97.243.974.185         |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        |             | 16.006.362.021         | 31.438.521.221         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 9.568.470.907          | 14.670.816.312         |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 12          | 32.650.507.721         | 33.835.362.236         |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | 3.915.725.000          | 929.973.000            |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        | 13          | 26.040.604.500         | 10.158.964.382         |
| 7. Phải trả nội bộ                            | 317        |             | 3.570.000.000          | 6.222.002.725          |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 14          | 35.531.500.989         | 9.471.738.118          |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 323        |             | 676.765.602            | 367.691.200            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>2.788.941.432</b>   | <b>5.804.095.050</b>   |
| 1. Vay và nợ dài hạn                          | 334        | 15          | 2.672.999.958          | 5.766.999.958          |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |             | 115.941.474            | 37.095.092             |
| <b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>                 | <b>400</b> |             | <b>129.327.172.532</b> | <b>128.686.063.796</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>129.327.172.532</b> | <b>128.686.063.796</b> |
| 1. Vốn cổ phần                                | 411        |             | 100.000.000.000        | 100.000.000.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 5.088.870.000          | 5.088.870.000          |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                      | 417        |             | 12.795.123.070         | 8.006.518.813          |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính                     | 418        |             | 2.852.658.323          | 770.656.472            |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | 419        |             | 208.200.185            | -                      |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 420        |             | 8.382.320.954          | 14.820.018.511         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>      | <b>440</b> |             | <b>355.410.054.838</b> | <b>338.829.202.225</b> |

Nguyễn Xuân Thao

Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

Phí Thu Hiền

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011***MẪU SỐ B 02-DN***Đơn vị: VND*

| CHỈ TIÊU                                                                    | Mã số     | Thuyết minh | 2011                   | 2010                   |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                                             |           |             |                        |                        |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                            | <b>01</b> | <b>17</b>   | <b>201.510.563.930</b> | <b>188.966.252.401</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                             | 02        |             | -                      | -                      |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>        | <b>10</b> |             | <b>201.510.563.930</b> | <b>188.966.252.401</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                     | 11        | 18          | 176.853.739.883        | 144.563.674.821        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>          | <b>20</b> |             | <b>24.656.824.047</b>  | <b>44.402.577.580</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                            | 21        | 20          | 16.565.776.473         | 12.490.157.736         |
| 7. Chi phí tài chính                                                        | 22        |             | 18.025.062.653         | 9.049.284.754          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                                            | 23        |             | 18.025.062.653         | 9.049.284.754          |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                             | 25        |             | 12.140.924.311         | 20.208.425.880         |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b> | <b>30</b> |             | <b>11.056.613.556</b>  | <b>27.635.024.682</b>  |
| 10. Thu nhập khác                                                           | 31        |             | 136.363.635            | -                      |
| 11. Chi phí khác                                                            | 32        |             | 70.382.585             | -                      |
| <b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>65.981.050</b>      | <b>-</b>               |
| <b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                     | <b>50</b> |             | <b>11.122.594.606</b>  | <b>27.635.024.682</b>  |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                                      | 51        | 21          | 2.740.273.652          | 6.815.006.171          |
| <b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>              | <b>60</b> |             | <b>8.382.320.954</b>   | <b>20.820.018.511</b>  |
| <b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                         | <b>70</b> | <b>22</b>   | <b>838</b>             | <b>3.457</b>           |

---

 Nguyễn Xuân Thao  
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2012

---

 Phí Thu Hiền  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                             | Mã số     | 2011                    | 2010                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                    |           |                         |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                       | <b>01</b> | <b>11.122.594.606</b>   | <b>27.635.024.682</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                   |           |                         |                         |
| Khấu hao tài sản cố định                                                                             | 02        | 5.319.579.102           | 6.004.254.923           |
| Các khoản dự phòng                                                                                   | 03        | 1.442.553.562           | 359.699.472             |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư                                                                            | 05        | (16.631.757.523)        | (12.489.930.056)        |
| Chi phí lãi vay                                                                                      | 06        | 18.025.062.653          | 9.049.284.754           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                              | <b>08</b> | <b>19.278.032.400</b>   | <b>30.558.333.775</b>   |
| Biến động các khoản phải thu                                                                         | 09        | (22.557.666.953)        | 8.442.059.483           |
| Biến động hàng tồn kho                                                                               | 10        | (24.123.653.158)        | 23.586.430.076          |
| Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả) | 11        | 16.554.198.897          | (46.705.892.125)        |
| Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác                                                 | 12        | 4.143.857.433           | (49.075.443.587)        |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                                  | 13        | (16.038.873.733)        | (10.179.921.774)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                                    | 14        | (502.000.000)           | -                       |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                                | 15        | 3.112.000.000           | -                       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                               | 16        | (2.616.195.516)         | (290.181.532)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                                 | <b>20</b> | <b>(22.750.300.630)</b> | <b>(43.664.615.684)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                       |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                    | 21        | (2.118.010.799)         | (1.700.844.092)         |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                           | 25        | -                       | (1.750.000.000)         |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                               | 27        | 188.638.861             | 503.893.343             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                     | <b>30</b> | <b>(1.929.371.938)</b>  | <b>(2.946.950.749)</b>  |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                   |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông                                                              | 31        | -                       | 43.663.870.000          |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                              | 33        | 115.064.127.747         | 96.788.399.298          |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                           | 34        | (120.068.097.798)       | (64.074.537.397)        |
| 4. Cổ tức đã trả cho cổ đông                                                                         | 36        | (5.893.380.000)         | (9.437.904.000)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                                  | <b>40</b> | <b>(10.897.350.051)</b> | <b>66.939.827.901</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                               | <b>50</b> | <b>(35.577.022.619)</b> | <b>20.328.261.468</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                              | <b>60</b> | <b>35.756.318.101</b>   | <b>15.427.828.953</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                              | 61        | -                       | 227.680                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                             | <b>70</b> | <b>179.295.482</b>      | <b>35.756.318.101</b>   |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm bao gồm 165.898.182 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định năm trước, đồng thời không bao gồm 1.020.693.834 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các tài khoản phải trả.

---

**Nguyễn Xuân Thao**

**Giám đốc**

*Ngày 12 tháng 3 năm 2012*

---

**Phí Thu Hiền**

**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1554/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 15 - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 15. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202001081 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 5 là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 53, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 305 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 419 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt điện nước và trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ xây dựng: cốp pha, giàn giáo;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị;
- Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ xây dựng: thiết bị tự động hóa, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà ở và các tổ hợp nhà cao tầng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Trong năm 2011, Công ty gặp một số khó khăn về quản lý dòng tiền, cụ thể, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 22.750.300.630 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường thu hồi các khoản công nợ và quản lý dòng tiền. Ban Giám đốc Công ty đã có những kế hoạch để tăng cường việc thu hồi các khoản công nợ và quản lý dòng tiền trong các năm tài chính tiếp theo. Ban Giám đốc tin tưởng rằng với kế hoạch này khả năng hoạt động liên tục của Công ty được đảm bảo.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 23.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà Công ty xác định là không có khả năng thu hồi trong tương lai.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                                          | <b>2011</b>   |
|------------------------------------------|---------------|
|                                          | <b>Số năm</b> |
| Nhà cửa và vật kiến trúc                 | 12 - 15       |
| Máy móc và thiết bị                      | 3 - 10        |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 5 - 10        |
| Thiết bị văn phòng                       | 3 - 5         |
| Tài sản cố định khác                     | 3 - 8         |

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 2 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập căn cứ trên phần việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng theo phương pháp tỷ lệ phần trăm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng khác được ghi nhận căn cứ theo khối lượng công việc đã hoàn thành và được khách hàng chấp nhận nghiệm thu, thanh toán.

Đối với bất động sản mà công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phải trả này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Vốn cổ phần, lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức**

Vốn cổ phần được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

|                    | <b>31/12/2011</b>  | <b>31/12/2010</b>     |
|--------------------|--------------------|-----------------------|
|                    | <b>VND</b>         | <b>VND</b>            |
| Tiền mặt           | 120.477.545        | 443.408.861           |
| Tiền gửi ngân hàng | 58.817.937         | 35.312.909.240        |
|                    | <b>179.295.482</b> | <b>35.756.318.101</b> |

**6. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị các hạng mục dở dang đang được thực hiện với giá trị tương ứng tại ngày 31/12/2011 là 73.835.242.894 VND (31/12/2010: 49.711.589.736 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                                   | <b>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc<br/>VND</b> | <b>Máy móc,<br/>thiết bị<br/>VND</b> | <b>Phương tiện vận tải,<br/>thiết bị truyền dẫn<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>VND</b> |
|-----------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                 |                                           |                                      |                                                             |                                       |                          |
| <b>Tại ngày 01/01/2011</b>        | <b>1.542.939.458</b>                      | <b>17.596.052.177</b>                | <b>6.742.132.846</b>                                        | <b>20.659.454.228</b>                 | <b>46.540.578.709</b>    |
| <b>Tăng trong năm</b>             | <b>2.698.927.127</b>                      | -                                    | -                                                           | <b>439.777.506</b>                    | <b>3.138.704.633</b>     |
| Mua trong năm                     | -                                         | -                                    | -                                                           | 439.777.506                           | 439.777.506              |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.698.927.127                             | -                                    | -                                                           | -                                     | 2.698.927.127            |
| <b>Giảm trong năm</b>             | -                                         | -                                    | <b>1.407.652.116</b>                                        | -                                     | <b>1.407.652.116</b>     |
| Thanh lý, nhượng bán              | -                                         | -                                    | 1.407.652.116                                               | -                                     | 1.407.652.116            |
| <b>Tại ngày 31/12/2011</b>        | <b>4.241.866.585</b>                      | <b>17.596.052.177</b>                | <b>5.334.480.730</b>                                        | <b>21.099.231.734</b>                 | <b>48.271.631.226</b>    |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>     |                                           |                                      |                                                             |                                       |                          |
| <b>Tại ngày 01/01/2011</b>        | <b>937.203.685</b>                        | <b>10.990.135.754</b>                | <b>4.213.631.623</b>                                        | <b>13.053.875.492</b>                 | <b>29.194.846.554</b>    |
| <b>Tăng trong năm</b>             | <b>108.925.847</b>                        | <b>1.691.056.079</b>                 | <b>1.039.996.388</b>                                        | <b>2.479.600.788</b>                  | <b>5.319.579.102</b>     |
| Trích khấu hao                    | 108.925.847                               | 1.691.056.079                        | 1.039.996.388                                               | 2.479.600.788                         | 5.319.579.102            |
| <b>Giảm trong năm</b>             | -                                         | -                                    | <b>1.337.269.531</b>                                        | -                                     | <b>1.337.269.531</b>     |
| Thanh lý, nhượng bán              | -                                         | -                                    | 1.337.269.531                                               | -                                     | 1.337.269.531            |
| <b>Tại ngày 31/12/2011</b>        | <b>1.046.129.532</b>                      | <b>12.681.191.833</b>                | <b>3.916.358.480</b>                                        | <b>15.533.476.280</b>                 | <b>33.177.156.125</b>    |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>            |                                           |                                      |                                                             |                                       |                          |
| <b>Tại ngày 31/12/2011</b>        | <b>3.195.737.053</b>                      | <b>4.914.860.344</b>                 | <b>1.418.122.250</b>                                        | <b>5.565.755.454</b>                  | <b>15.094.475.101</b>    |
| <b>Tại ngày 31/12/2010</b>        | <b>605.735.773</b>                        | <b>6.605.916.423</b>                 | <b>2.528.501.223</b>                                        | <b>7.605.578.736</b>                  | <b>17.345.732.155</b>    |

Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.229.849.288 VND (năm 2010: 6.911.076.371 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 15, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 là 10.880.581.029 VND (tại 31/12/2010: 14.876.416.355 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

|                        | <b>31/12/2011</b>              |                          | <b>31/12/2010</b>              |                          |
|------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
|                        | <b>Số lượng<br/>(Cổ phiếu)</b> | <b>Giá trị<br/>(VND)</b> | <b>Số lượng<br/>(Cổ phiếu)</b> | <b>Giá trị<br/>(VND)</b> |
| Công ty Cổ phần VIPACO | 510.000                        | 4.250.000.000            | 510.000                        | 4.250.000.000            |
|                        | <b>510.000</b>                 | <b>4.250.000.000</b>     | <b>510.000</b>                 | <b>4.250.000.000</b>     |

Đây là các khoản đầu tư để nhận cổ tức, không nhằm mục đích mua bán lại. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không phải lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, như sau:

| <b>Tên Công ty</b>        | <b>Nơi thành lập (hoặc<br/>đăng ký) và hoạt động</b>           | <b>Tỷ lệ<br/>phần<br/>sở hữu<br/>%</b> | <b>Tỷ lệ quyền<br/>biểu quyết<br/>nắm giữ<br/>%</b> | <b>Hoạt động chính</b>                    |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần<br>VIPACO | Số 34, phố Láng Hạ,<br>phường Láng Hạ, quận<br>Đống Đa, Hà Nội | 17                                     | 17                                                  | Sản xuất và kinh doanh các<br>loại bao bì |

Mặc dù, Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết nhưng Công ty có ảnh hưởng quan trọng trong việc bổ nhiệm các thành viên Ban Giám đốc của công ty này nên khoản đầu tư vào Công ty cổ phần VIPACO được ghi nhận là đầu tư vào công ty liên kết. Như đã trình bày tại thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp 510.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VIPACO để đảm bảo cho khoản vay.

**9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

|                                             | <b>31/12/2011</b>    | <b>31/12/2010</b>    |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                             | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Công ty Cổ phần ống sợi thủy tinh Vinaconex | 1.000.000.000        | 1.000.000.000        |
|                                             | <b>1.000.000.000</b> | <b>1.000.000.000</b> |

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                               | <b>2011</b>        | <b>2010</b>          |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
|                               | <b>VND</b>         | <b>VND</b>           |
| Số đầu năm                    | 2.005.519.835      | 659.773.880          |
| Tăng trong năm                | 465.214.126        | 2.700.821.817        |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | 1.765.808.009      | 1.355.075.862        |
| <b>Số cuối năm</b>            | <b>704.925.952</b> | <b>2.005.519.835</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

|                                                                             | <b>31/12/2011</b>     | <b>31/12/2010</b>     |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Ngân hàng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i) | 39.847.227.002        | 39.834.277.012        |
| Vay Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (ii)           | 10.000.000.000        | -                     |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex Viettel (iii)                           | 35.622.777.132        | 48.235.697.173        |
| Vay cá nhân (iv)                                                            | 6.970.000.000         | 290.000.000           |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                                     | 2.894.000.000         | 8.884.000.000         |
|                                                                             | <b>95.334.004.134</b> | <b>97.243.974.185</b> |

Vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2011 bao gồm những khoản vay sau:

- (i) Đây là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 289/2011/HĐ ngày 31 tháng 05 năm 2011 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 120/2008/HĐ ngày 08 tháng 04 năm 2009. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được quy định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Hạn mức tín dụng được cấp trong thời gian từ ngày 31 tháng 05 năm 2011 đến ngày 31 tháng 05 năm 2012. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn (xác định tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể) được áp dụng đối với phần dư nợ gốc mà Bên vay không thanh toán đúng hạn và Bên vay sẽ chịu tiền phạt đối với lãi chậm trả khi đến hạn theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm phát sinh chậm trả lãi. Lãi vay được trả hàng tháng trên cơ sở nguồn thu của Bên vay và số dư tiền gửi tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác (nếu có). Hình thức bảo đảm tiền vay là các tài sản cố định được Công ty thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 368/2011/HĐTC ngày 26 tháng 05 năm 2011, số 203075/2010/HĐTC ngày 26 tháng 08 năm 2010, số 3101/2010/HĐTC ngày 07 tháng 12 năm 2010 và số 1255/2010/HĐ ngày 19 tháng 05 năm 2010 (xem Thuyết minh số 7).
- (ii) Khoản vay Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam với lãi suất 17,5%/năm, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Vay ngắn hạn Công ty Tài Chính Cổ phần Vinaconex - Viettel bao gồm các khoản vay theo 2 hợp đồng sau:
- Số dư 30.006.064.458 VND là của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 21011/TDHM-V15 ngày 24 tháng 10 năm 2011, giữa Công ty với Công ty Tài Chính Cổ phần Vinaconex - Viettel với mức dư nợ tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 100.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Ông sơi thủy tinh Vinaconex và 510.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần VIPACO (xem Thuyết minh số 8 và số 9).
- Số dư 5.616.712.674 VND là của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 18/2010/TDHM-VC15 ngày 27 tháng 9 năm 2010 giữa Công ty với Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của Bên cho vay theo từng thời kỳ và được điều chỉnh một hoặc ba tháng/lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay cá nhân với lãi suất 18%/năm, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                               | <b>31/12/2011</b>     | <b>31/12/2010</b>     |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                               | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Thuế giá trị gia tăng         | 18.876.955.819        | 21.885.169.527        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp    | 13.588.621.981        | 11.907.030.488        |
| Thuế thu nhập cá nhân         | 87.810.921            | -                     |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 97.119.000            | 43.162.221            |
|                               | <b>32.650.507.721</b> | <b>33.835.362.236</b> |

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                  | <b>31/12/2011</b>     | <b>31/12/2010</b>     |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
|                  | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Chi phí lãi vay  | 5.107.440.694         | 3.121.251.774         |
| Chi phí khác (i) | 20.933.163.806        | 7.037.712.608         |
|                  | <b>26.040.604.500</b> | <b>10.158.964.382</b> |

(i) Chủ yếu bao gồm các chi phí xây lắp chưa phát sinh đầy đủ chứng từ, được trích trước tương ứng tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                                    | <b>31/12/2011</b>     | <b>31/12/2010</b>    |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                    | <b>VND</b>            | <b>VND</b>           |
| Phải trả các đội xây dựng          | 15.659.565.224        | 5.741.159.224        |
| Kinh phí công đoàn                 | 240.509.521           | 140.311.359          |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 1.418.334.644         | 478.171.535          |
| Chi Cục thuế Quận Đồ Sơn (i)       | 14.468.596.000        | -                    |
| Cổ tức                             | 3.698.716.000         | 3.102.096.000        |
| Khác                               | 45.779.600            | 10.000.000           |
|                                    | <b>35.531.500.989</b> | <b>9.471.738.118</b> |

(i) Thể hiện khoản phải trả cho Chi Cục thuế Quận Đồ Sơn liên quan đến quyền sử dụng đất của dự án Vung Hương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

|                                                                   | <u>31/12/2011</u>           | <u>31/12/2010</u>            |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                   | <b>VND</b>                  | <b>VND</b>                   |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i) | 5.566.999.958               | 14.650.999.958               |
|                                                                   | <b><u>5.566.999.958</u></b> | <b><u>14.650.999.958</u></b> |

(i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, bao gồm:

| Số hợp đồng<br>vay | Lãi<br>suất<br>vay | Thời<br>hạn vay<br>(tháng) | Số dư nợ gốc (VND)           |                             | Nợ gốc phải trả<br>trong vòng 1 năm<br>(VND) | Phương thức đảm bảo khoản<br>vay |
|--------------------|--------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|
|                    |                    |                            | 31/12/2010                   | 31/12/2011                  |                                              |                                  |
| 62/2008/HĐ         | 17,5%              | 60                         | 1.606.000.000                | 964.000.000                 | 642.000.000                                  | Tài sản hình thành từ vốn vay    |
| 1308/2009/HĐ       | 17,5%              | 45                         | 2.765.000.000                | 1.623.000.000               | 832.000.000                                  | Tài sản hình thành từ vốn vay    |
| 0289/2009/HĐ       | 17,5%              | 45                         | 4.279.999.958                | 2.979.999.958               | 1.420.000.000                                | Tài sản hình thành từ vốn vay    |
| 2611/2009/HĐ       | 17,5%              | 48                         | 6.000.000.000                | -                           | -                                            | Tài sản hình thành từ vốn vay    |
| <b>Cộng</b>        |                    |                            | <b><u>14.650.999.958</u></b> | <b><u>5.566.999.958</u></b> | <b><u>2.894.000.000</u></b>                  |                                  |

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                             | <u>31/12/2011</u>           | <u>31/12/2010</u>            |
|---------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                             | <b>VND</b>                  | <b>VND</b>                   |
| Trong vòng một năm                          | 2.894.000.000               | 8.884.000.000                |
| Trong năm thứ hai                           | 2.672.999.958               | 3.004.000.000                |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm               | -                           | 2.762.999.958                |
| Sau năm năm                                 | <b><u>5.566.999.958</u></b> | <b><u>14.650.999.958</u></b> |
| <b>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</b> | 2.894.000.000               | 8.884.000.000                |
| (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)  |                             |                              |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>             | <b><u>2.672.999.958</u></b> | <b><u>5.766.999.958</u></b>  |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|                            | Vốn cổ phần            | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng              |
|----------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                            | VND                    | VND                  | VND                   | VND                    | VND                           | VND                               | VND                    |
| <b>Tại ngày 01/01/2010</b> | <b>60.000.000.000</b>  | <b>1.425.000.000</b> | <b>6.813.031.696</b>  | <b>433.360.000</b>     | -                             | <b>11.243.301.352</b>             | <b>79.914.693.048</b>  |
| <b>Tăng trong năm</b>      | <b>40.000.000.000</b>  | <b>3.663.870.000</b> | <b>1.193.487.117</b>  | <b>337.296.472</b>     | -                             | <b>20.820.018.511</b>             | <b>66.014.672.100</b>  |
| Góp vốn                    | 40.000.000.000         | 3.663.870.000        | -                     | -                      | -                             | -                                 | 43.663.870.000         |
| Lợi nhuận trong năm        | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 20.820.018.511                    | 20.820.018.511         |
| Trích từ lợi nhuận         | -                      | -                    | 1.193.487.117         | 337.296.472            | -                             | -                                 | 1.530.783.589          |
| <b>Giảm trong năm</b>      | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | <b>17.243.301.352</b>             | <b>17.243.301.352</b>  |
| Trích các quỹ              | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 1.643.215.746                     | 1.643.215.746          |
| Chia cổ tức 2009           | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 9.600.000.000                     | 9.600.000.000          |
| Tạm chia cổ tức 2010       | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 6.000.000.000                     | 6.000.000.000          |
| Điều chỉnh khác            | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 85.606                            | 85.606                 |
| <b>Tại ngày 01/01/2011</b> | <b>100.000.000.000</b> | <b>5.088.870.000</b> | <b>8.006.518.813</b>  | <b>770.656.472</b>     | -                             | <b>14.820.018.511</b>             | <b>128.686.063.796</b> |
| <b>Tăng trong năm</b>      | -                      | -                    | <b>4.788.604.257</b>  | <b>2.082.001.851</b>   | <b>208.200.185</b>            | <b>8.382.320.954</b>              | <b>15.461.127.247</b>  |
| Lợi nhuận trong năm        | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 8.382.320.954                     | 8.382.320.954          |
| Trích từ lợi nhuận         | -                      | -                    | 4.788.604.257         | 2.082.001.851          | 208.200.185                   | -                                 | 7.078.806.293          |
| <b>Giảm trong năm</b>      | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | <b>14.820.018.511</b>             | <b>14.820.018.511</b>  |
| Trích các quỹ              | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 7.820.018.511                     | 7.820.018.511          |
| Công bố chia cổ tức 2010   | -                      | -                    | -                     | -                      | -                             | 7.000.000.000                     | 7.000.000.000          |
| <b>Tại ngày 31/12/2011</b> | <b>100.000.000.000</b> | <b>5.088.870.000</b> | <b>12.795.123.070</b> | <b>2.852.658.323</b>   | <b>208.200.185</b>            | <b>8.382.320.954</b>              | <b>129.327.172.532</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 05 ngày 09/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

|                                                                      | Theo Giấy đăng ký      |            | Vốn đã góp             |                        |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------------------|
|                                                                      | kinh doanh             |            | 31/12/2011             | 31/12/2010             |
|                                                                      | VND                    | %          | VND                    | VND                    |
| Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) | 51.000.000.000         | 51         | 51.000.000.000         | 51.000.000.000         |
| Các cổ đông khác                                                     | 49.000.000.000         | 49         | 49.000.000.000         | 49.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b>100.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>100.000.000.000</b> | <b>100.000.000.000</b> |
| <b>Cổ tức</b>                                                        |                        |            |                        |                        |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 22/4/2011, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho các cổ đông thiểu số và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với số tiền 13 tỷ đồng. Trong đó số đã tạm chia trong năm 2010 là 6 tỷ đồng, số ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là 7 tỷ đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này, số cổ tức 7 tỷ đồng (đề cập ở trên) chưa được trả cho các cổ đông.

**Cổ phiếu**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 31/12/2011 | 31/12/2010 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố của Công ty tại từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. |            |            |

**Các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 22/4/2011, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2010. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được trích 23% vào Quỹ đầu tư phát triển, 10% vào Quỹ dự phòng tài chính, 3,56% vào Quỹ khen thưởng phúc lợi, và 1% vào quỹ khác để khen thưởng Ban điều hành. Công ty đã trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành với số tiền tương ứng là 4.788.604.257 VND, 2.082.001.851 VND, 741.192.659 VND và 208.200.185 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                             | <b>2011</b>            | <b>2010</b>            |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                             | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Doanh thu hoạt động xây lắp                 | 145.145.874.669        | 142.791.556.072        |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản | 46.201.034.773         | 34.942.784.210         |
| Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị         | 10.163.654.488         | 11.231.912.119         |
|                                             | <b>201.510.563.930</b> | <b>188.966.252.401</b> |

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                             | <b>2011</b>            | <b>2010</b>            |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                             | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Giá vốn hoạt động xây lắp                   | 142.211.742.649        | 122.221.998.822        |
| Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản   | 22.622.157.607         | 16.503.102.964         |
| Giá vốn hoạt động cho thuê máy móc thiết bị | 12.019.839.627         | 5.838.573.035          |
|                                             | <b>176.853.739.883</b> | <b>144.563.674.821</b> |

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                  | <b>2011</b>            | <b>2010</b>            |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 119.045.480.895        | 112.544.696.150        |
| Chi phí nhân công                | 38.237.196.675         | 25.705.340.568         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.319.579.102          | 6.004.254.923          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài, khác  | 50.461.146.934         | 21.829.304.845         |
|                                  | <b>213.063.403.606</b> | <b>166.083.596.486</b> |

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                    | <b>2011</b>           | <b>2010</b>           |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 188.638.861           | 128.893.343           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia        | 161.500.000           | 375.000.000           |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 16.215.637.612        | 11.986.264.393        |
|                                    | <b>16.565.776.473</b> | <b>12.490.157.736</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|                                                             | <b>2011</b>           | <b>2010</b>           |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b> |                       |                       |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                 | <b>11.122.594.606</b> | <b>27.635.024.682</b> |
| <b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>                    |                       |                       |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                               | (161.500.000)         | (375.000.000)         |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ                 | -                     | -                     |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                   | <b>10.961.094.606</b> | <b>27.260.024.682</b> |
| Thuế suất hiện hành                                         | 25%                   | 25%                   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp               | 2.740.273.652         | 6.815.006.171         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                           | <b>2.740.273.652</b>  | <b>6.815.006.171</b>  |

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                      | <b>2011</b>   | <b>2010</b>    |
|------------------------------------------------------|---------------|----------------|
|                                                      | <b>VND</b>    | <b>VND</b>     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 8.382.320.954 | 20.820.018.511 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 10.000.000    | 6.021.918      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 838           | 3.457          |

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 15, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

|                                      | <b>Giá trị ghi sổ</b>  |                        |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                      | <b>31/12/2011</b>      | <b>31/12/2010</b>      |
|                                      | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 179.295.482            | 35.756.318.101         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 178.011.972.514        | 140.941.725.478        |
| Đầu tư dài hạn                       | 5.250.000.000          | 5.250.000.000          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>183.441.267.996</b> | <b>181.948.043.579</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                        |                        |
| Các khoản vay                        | 98.007.004.092         | 103.010.974.143        |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 37.789.453.621         | 40.772.619.946         |
| Chi phí phải trả                     | 5.107.440.694          | 3.121.251.774          |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>140.903.898.407</b> | <b>146.904.845.863</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

|                                     | <b>Dưới 1 năm</b> | <b>Từ 1 - 5 năm</b> | <b>Tổng</b>     |
|-------------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
|                                     | <b>VND</b>        | <b>VND</b>          | <b>VND</b>      |
| <b>31/12/2011</b>                   |                   |                     |                 |
| Các khoản vay                       | 95.334.004.134    | 2.672.999.958       | 98.007.004.092  |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 37.789.453.621    | -                   | 37.789.453.621  |
| Chi phí phải trả                    | 5.107.440.694     | -                   | 5.107.440.694   |
| <b>31/12/2010</b>                   |                   |                     |                 |
| Các khoản vay                       | 97.243.974.185    | 5.766.999.958       | 103.010.974.143 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 40.772.619.946    | -                   | 40.772.619.946  |
| Chi phí phải trả                    | 3.121.251.774     | -                   | 3.121.251.774   |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                      | <b>Dưới 1 năm</b> | <b>Từ 1 - 5 năm</b> | <b>Tổng</b>     |
|--------------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
|                                      | <b>VND</b>        | <b>VND</b>          | <b>VND</b>      |
| <b>31/12/2011</b>                    |                   |                     |                 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 178.011.972.514   | -                   | 178.011.972.514 |
| Tiền                                 | 179.295.482       | -                   | 179.295.482     |
| Đầu tư dài hạn                       | -                 | 5.250.000.000       | 5.250.000.000   |
| <b>31/12/2010</b>                    |                   |                     |                 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 140.941.725.478   | -                   | 140.941.725.478 |
| Tiền                                 | 35.756.318.101    | -                   | 35.756.318.101  |
| Đầu tư dài hạn                       | -                 | 5.250.000.000       | 5.250.000.000   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                                                                | <b>2011</b>        | <b>2010</b>        |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                                | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| <b>Góp vốn</b>                                                                 |                    |                    |
| Công ty Cổ phần VIPACO                                                         | -                  | 1.750.000.000      |
| <b>Nhận góp vốn</b>                                                            |                    |                    |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | -                  | 22.185.000.000     |
| <b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                            |                    |                    |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 82.332.748.264     | 58.532.955.455     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex                          | 470.177.148        | 17.574.662.930     |
| <b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>                                                   |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 1                                                  | -                  | 1.607.344.393      |
| Công ty Cổ phần VIMECO                                                         | -                  | 13.111.648.585     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex                      | 21.847.076.619     | 20.781.283.750     |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 7                                                  | 82.581.818         | 165.163.636        |
| <b>Vay</b>                                                                     |                    |                    |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel                                    | 35.622.777.132     | 48.235.697.173     |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 10.000.000.000     | -                  |
| <b>Nhận cổ tức</b>                                                             |                    |                    |
| Công ty Cổ phần VIPACO                                                         | 76.500.000         | 300.000.000        |
| Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tinh Vinaconex                                    | 85.000.000         | 75.000.000         |
| <b>Công bố chia cổ tức</b>                                                     |                    |                    |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 3.570.000.000      | 7.956.000.000      |
| <b>Thu nhập Ban Giám đốc</b>                                                   | <b>501.204.000</b> | <b>407.886.000</b> |
| Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau: |                    |                    |
|                                                                                | <b>31/12/2011</b>  | <b>31/12/2010</b>  |
|                                                                                | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
| <b>Phải thu</b>                                                                |                    |                    |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 53.970.312.027     | 28.683.214.418     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex                          | 5.006.465.743      | 20.292.337.657     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật và Phát triển Hạ tầng Vinaconex    | -                  | 55.331.052         |
| <b>Người mua trả tiền trước</b>                                                |                    |                    |
| Ban Quản lý dự án Láng - Hòa Lạc                                               | 64.833.312         | 64.833.312         |
| <b>Phải trả</b>                                                                |                    |                    |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 3.686.667.000      | 7.632.502.225      |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 1                                                  | 1.782.418.994      | 1.782.418.994      |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 3                                                  | 59.312.000         | 59.312.000         |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 7                                                  | 354.200.000        | 313.360.000        |
| Công ty Cổ phần VIMECO                                                         | 7.707.699.632      | 8.230.913.262      |
| Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại                                    | 197.030.396        | 297.030.396        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị                                | 191.032.600        | 13.543.765.904     |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel                                    | 581.606.408        | 101.276.331        |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                                            |                    |                    |
| Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel                                    | 35.622.777.132     | 48.235.697.173     |
| Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam                                  | 10.000.000.000     | -                  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hải Phòng vẫn còn hiệu lực. Cụ thể, ngân hàng này đã cung cấp cho Công ty bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị bảo lãnh tương ứng là 9.783.667.000 VND và 4.891.833.800 VND. Công ty thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng kinh tế số 61/2011/HĐKT ngày 09 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường - Chi nhánh Hà Tây với giá trị là 88.053.008.400 VND để đảm bảo cho các bảo lãnh trên.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

---

**Nguyễn Xuân Thao**

**Giám đốc**

*Ngày 12 tháng 3 năm 2012*

---

**Phí Thu Hiền**

**Kế toán trưởng**



## **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN :**

### **1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán:

Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam - đơn vị được kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

- Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 Công ty đã gửi đến UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để báo cáo và công bố thông tin.

- Các nhận xét đánh giá chi tiết đã được nêu trong báo cáo kiểm toán.

### **2. Kiểm toán nội bộ : không có**

## **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

### **1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của Công ty**

Tên Công ty: Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX)

Địa chỉ: Tòa nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 04.362849234

Fax: 04.362849208

Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam hiện nắm giữ 51% tổng số cổ phần của Công ty cổ phần xây dựng số 15, các đối tượng khác nắm giữ 49% số cổ phần của Công ty.

❖ Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty mẹ

| <b>Các chỉ tiêu chủ yếu</b> | <b>Thực hiện năm 2011</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------------------|---------------------------|----------------|
| Tổng tài sản                | 16.174.791.246.762        |                |
| Doanh thu thuần             | 5.134.551.112.626         |                |
| Lợi nhuận trước thuế        | 255.881.264.668           |                |
| Lợi nhuận sau thuế          | 131.130.535.070           |                |

(Nguồn cung cấp: TCT CP Vinaconex)

### **2. Tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty mà Vinaconex 15 đang nắm giữ cổ phần**

❖ Đầu tư vào Công ty CP ống sợi thủy tinh VINACONEX : 1.000.000.000đồng.

| <b>Các chỉ tiêu chủ yếu</b> | <b>Thực hiện năm 2011</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------------------|---------------------------|----------------|
| Tổng tài sản                | 58.852.878.685            |                |
| Doanh thu thuần             | 41.975.709.320            |                |
| Lợi nhuận trước thuế        | 2.639.363.167             |                |
| Lợi nhuận sau thuế          | 2.538.003.369             |                |

(Nguồn cung cấp: Công ty CP ống sợi thủy tinh VINACONEX)

❖ Đầu tư vào Công ty cổ phần VIPACO: 5.100.000.000 đồng.

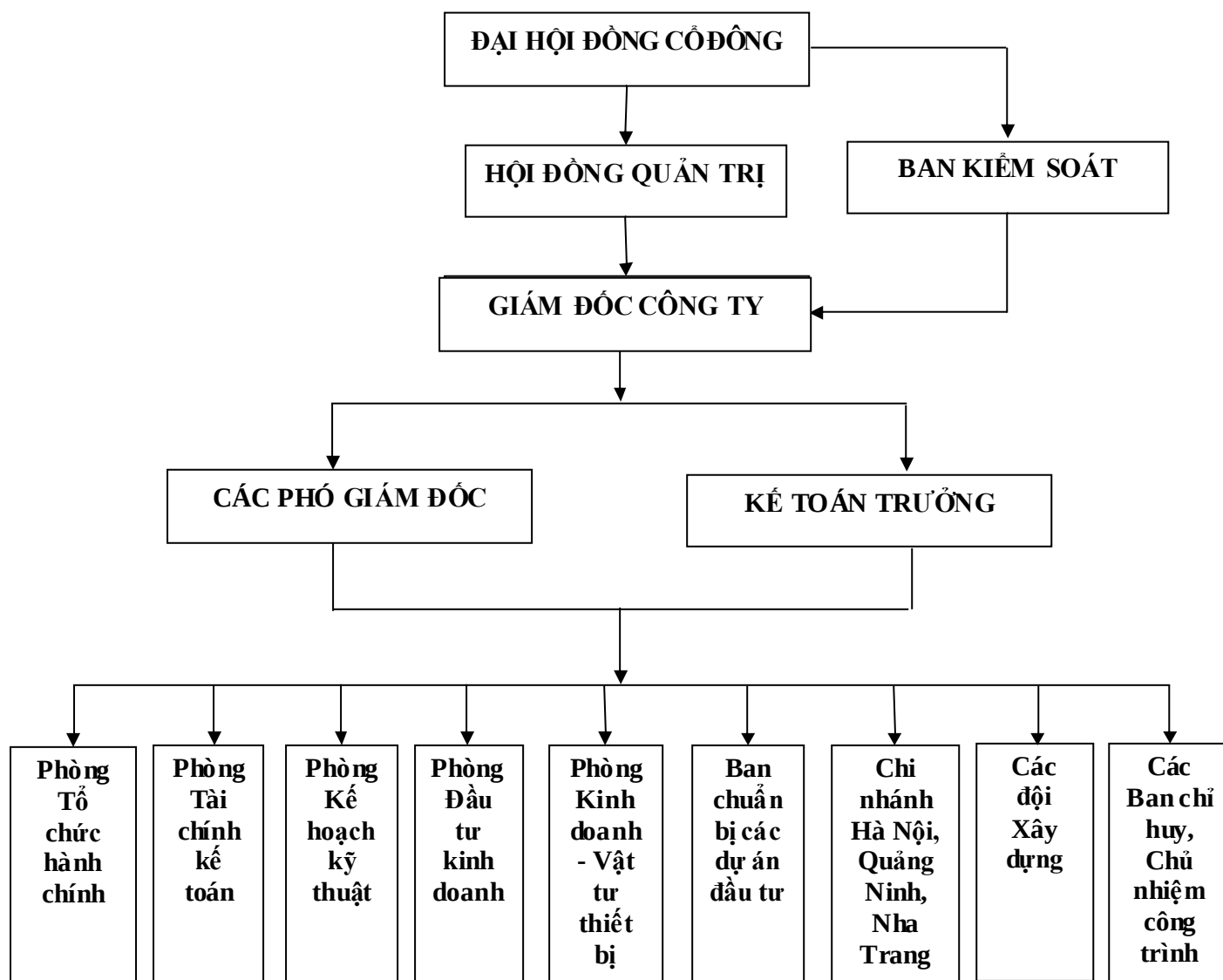
| Các chỉ tiêu chủ yếu | Thực hiện năm 2011 | Ghi chú |
|----------------------|--------------------|---------|
| Tổng tài sản         | 124.163.541.269    |         |
| Doanh thu thuần      | 157.301.684.299    |         |
| Lợi nhuận trước thuế | 159.093.768        |         |
| Lợi nhuận sau thuế   | 119.320.326        |         |

(Nguồn cung cấp: Công ty CP VIPACO)

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15



## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:**

| STT | Họ và Tên        | Năm sinh | Giới tính | Trình độ chuyên môn                  | Chức vụ                               |
|-----|------------------|----------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Xuân Thao | 1958     | Nam       | Kỹ sư xây dựng                       | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty |
| 2   | Đoàn Thanh Bình  | 1954     | Nam       | Kỹ sư xây dựng                       | Phó giám đốc Công ty                  |
| 3   | Nguyễn Hữu Dũng  | 1971     | Nam       | Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán | Phó giám đốc Công ty                  |

**3. Thay đổi giám đốc :** Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Thao - Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty theo Quyết định số 35QĐ/CTYCP15-HĐQT ngày 26/4/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

## **4. Quyền lợi của Ban giám đốc :**

Tiền lương và tiền thưởng của Ban giám đốc được hưởng theo Quy chế tiền lương, thu nhập của công ty áp dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên thuộc khối văn phòng Công ty.

## **5. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động :**

### **a. Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty**

Tính đến ngày 31/12/2011 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 615 người.

Trong đó:

|                                    |           |
|------------------------------------|-----------|
| Hợp đồng có đóng bảo hiểm xã hội : | 255 người |
| Hợp đồng thời vụ:                  | 360 người |
| Trình độ: Trên đại học :           | 01 người  |
| Đại học:                           | 91 người  |
| Trung cấp và cao đẳng:             | 43 người  |
| Công nhân kỹ thuật :               | 476 người |
| Lao động phổ thông:                | 04 người  |

### **b. Chính sách đối với người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

## **6. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát :**

**a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :** Không thay đổi.

**b) Thành viên Ban giám đốc :** Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Thao là Giám đốc Công ty.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

#### *a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát*

##### ❖ Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Trình độ chuyên môn                    | Chức vụ                        | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|----------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | Trương Hải Triều  | 1970     | Kỹ sư xây dựng                         | Chủ tịch HĐQT                  |         |
| 2   | Nguyễn Đình Thiết | 1957     | Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính | Ủy viên HĐQT                   |         |
| 3   | Lại Văn Bích      | 1953     | Kỹ sư cấp thoát nước                   | Ủy viên HĐQT                   |         |
| 4   | Nguyễn Xuân Thao  | 1958     | Kỹ sư xây dựng                         | Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty |         |
| 5   | Huỳnh Ngọc Sơn    | 1972     | Kiến trúc sư                           | Ủy viên HĐQT                   |         |

##### ❖ Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | Trình độ chuyên môn                       | Chức vụ               | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-------------------------------------------|-----------------------|---------|
| 1   | Đặng Thanh Huân    | 1964     | Cử nhân Kế toán ngành Tài chính- Tín dụng | Trưởng ban kiểm soát  |         |
| 2   | Ngô Quang Đương    | 1955     | Trung cấp chính trị                       | Ủy viên ban kiểm soát |         |
| 3   | Trần Thị Bích Ngọc | 1979     | Cử nhân kế toán                           | Ủy viên ban kiểm soát |         |

#### *b. Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ và bất thường để thảo luận tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty, theo đó các thành viên HĐQT đã phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ và sức mạnh tập thể để từ đó đưa ra các quyết định, chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật về chứng khoán; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

- Triển khai thành công việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 100 tỷ đồng. Niêm yết bổ sung 4.000.000 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 24/3/2011.

- Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

#### ***c. Hoạt động của Ban kiểm soát***

- Trong năm 2011, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

- Ban Kiểm Soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2011, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2011.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

#### ***d. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát***

Trong năm 2011, tổng mức thù lao và một số chi phí liên quan cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty đã chi là 90.000.000 đồng, đảm bảo mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chủ tịch HĐQT : 1.500.000 đồng/người/tháng

Ủy viên HĐQT : 1.000.000 đồng/người/tháng

Trưởng ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/người/tháng

Ủy viên ban kiểm soát : 500.000 đồng/người/tháng

#### ***e. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc***

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.

| TT | Họ và tên          | Chức danh                             | Số CP đến thời điểm<br>(27/2/2012) |            |        | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------|------------------------------------|------------|--------|---------|
|    |                    |                                       | Vốn TCTCP<br>VINACONEX             | Cá<br>nhân | %/VĐL  |         |
| 1  | Trương Hải Triều   | Chủ tịch HĐQT                         | 1.500.000                          | 194.550    | 16,95% |         |
| 2  | Nguyễn Đình Thiết  | Ủy viên HĐQT                          | 3.040.000                          | 13.500     | 30,54% |         |
| 3  | Lại Văn Bích       | Ủy viên HĐQT                          | 160.000                            | 0          | 1,6%   |         |
| 4  | Nguyễn Xuân Thao   | Ủy viên HĐQT kiêm<br>Giám đốc Công ty |                                    | 35.300     | 0,35%  |         |
| 5  | Huỳnh Ngọc Sơn     | Ủy viên HĐQT                          |                                    | 30.400     | 0,30%  |         |
| 6  | Đặng Thanh Huân    | Trưởng ban Kiểm soát<br>Công ty       | 400.000                            | 3.000      | 4,03%  |         |
| 7  | Ngô Quang Dương    | Ủy viên Ban Kiểm soát                 |                                    | 21.950     | 0,22%  |         |
| 8  | Trần Thị Bích Ngọc | Ủy viên Ban Kiểm soát                 |                                    | 2.100      | 0,02%  |         |
| 9  | Nguyễn Hữu Dũng    | Phó Giám đốc Công ty                  |                                    | 48.800     | 0,49%  |         |
| 10 | Đoàn Thanh Bình    | Phó Giám đốc Công ty                  |                                    | 22.900     | 0,23%  |         |
| 11 | Phí Thị Thu Hiền   | Kế toán trưởng                        |                                    | 8.300      | 0,08%  |         |

## 2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông/thành viên góp vốn

### a. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm ngày 27/2/2012)

| TT               | Cổ đông                   | Số lượng<br>cổ phiếu | Tỷ lệ %        | Ghi chú |
|------------------|---------------------------|----------------------|----------------|---------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>9.915.700</b>     | <b>99,16%</b>  |         |
| 1                | Cổ đông là tổ chức        | 5.145.505            | 51,46%         |         |
| 2                | Cổ đông là cá nhân        | 4.770.195            | 47,70%         |         |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>84.300</b>        | <b>0,84%</b>   |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>10.000.000</b>    | <b>100,00%</b> |         |

### b. Thông tin về cổ đông lớn (tính đến thời điểm ngày 27/2/2012)

| TT | Cổ đông                               | Số lượng  | Tỷ lệ | Địa chỉ                                              |
|----|---------------------------------------|-----------|-------|------------------------------------------------------|
| 1  | Tổng công ty CP XNK và<br>XD Việt Nam | 5.100.000 | 51%   | Toà nhà Vinaconex - 34 Láng Hạ -<br>Đống Đa - Hà Nội |

### c. Thông tin về cổ đông nước ngoài (tính đến thời điểm ngày 27/2/2012)

Cổ đông nước ngoài đang sở hữu 84.300CP/tổng số 10.000.000CP hiện tại của Công ty và chiếm tỷ lệ 0,84% vốn cổ phần.

## IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Năm 2011 cũng là năm CBCNV Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, ủng hộ Làng trẻ mồ côi Hoa Phượng Hải Phòng, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi và suy dinh dưỡng Hà Nội, quỹ trẻ em nghèo, nạn nhân chất độc da cam, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng tại Kiến Thụy - Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 16 tháng 04 năm 2012  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty**



**Trương Hải Triều**